TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-10-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hải

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Kim T, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu 04, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2 - ***Bị đơn***: Anh Lại Ngọc T, sinh năm 1984; nơi cư trú tại: Khu 04, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Trần Thị Kim T trình bày: Chị và anh Lại Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 21/01/2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã T. Qúa trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Trần Thị Kim T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Lại Trấn L - sinh ngày 10/11/2016. Hiện nay đang ở cùng chị T. Nếu ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Tcấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, nhưng anh Lại Ngọc T luôn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của anh T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt trong quá trình giải quyết, xét xử mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 3 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T được ly hôn anh Lại Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi con chung là Lại Trấn L - sinh ngày: 10/11/2016. Anh Lại Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T là tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chị T yêu cầu ly hôn với anh T và nuôi con chung của vợ chồng. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chung sống được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chứng cứ thu thập được cho thấy, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung ở với chị T cùng bố mẹ đẻ chị T và con chung được chăm lo đầy đủ cả về vật chất và tinh thần và con chung hiện dưới 36 tháng tuổi. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao con chung cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về chi phí tố tụng: Do chị T yêu cầu, nên phải chịu 3.055.000đồng lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 3 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 180; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim T được ly hôn anh Lại Ngọc T.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Lại Trấn L - sinh ngày 10/11/2016 cho chị Trần Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lại Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị T không yêu cầu.

2.2. Anh Lại Ngọc T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 3.055.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí chị T đã nộp là 3.055.000đồng. Chị T đã nộp đủ tiền lệ phí.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Kim T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003287 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt

có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng